

Số: **446** /BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05** tháng **5** năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 4 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

- Thời tiết từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 4 năm 2023: Nhiệt độ trung bình khu vực Nam bộ $28,5^{\circ}\text{C}$ - $29,5^{\circ}\text{C}$. Giá trị tổng lượng mưa 50 - 100mm.

- Dự báo tình hình thời tiết từ ngày 01 - 31 tháng 5 năm 2023: Xu thế nhiệt độ trung bình cao hơn so với trung bình nhiều năm từ $0,5^{\circ}\text{C}$ - $1,0^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ trung bình khu vực Nam bộ 29°C - 30°C . Xu thế lượng mưa: Tổng lượng mưa ở mức xấp xỉ so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Giá trị tổng lượng mưa 70 - 120 mm.

a) Cây lúa vụ Hè thu

Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Mạ	2.271
Đẻ nhánh	230
Làm đồng	-
Trổ	-
Chín	-
Thu hoạch	-
Tổng	2.501

b) Cây trồng khác

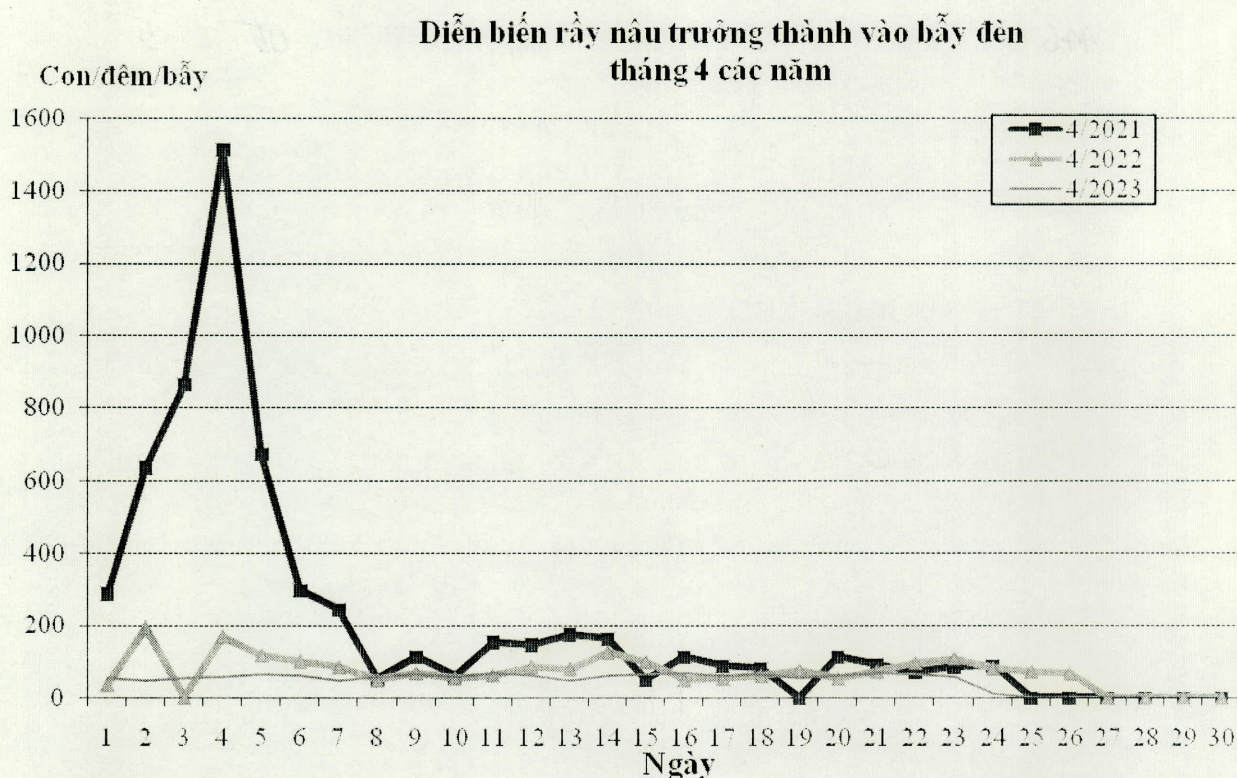
Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau Hè Thu 2023		1.837,8	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	1.720
- RALNN	Nhiều giai đoạn	635,5	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	335
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	146,5	3. Cây lương thực		0,2
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	160,0	Bắp	Cây con	0,2
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	133,4	Khoai mì	-	-
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	105,2	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	837,3
- RMN	Nhiều giai đoạn	200,0			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU VÀ THIÊN ĐỊCH

1. Số liệu theo dõi côn trùng (rầy nâu) vào bẫy đèn tháng 4/2023

Loại bẫy: bẫy đèn quạt hút trên cây lúa



III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại (SVGH) chủ yếu

1.1 Cây lúa vụ Hè thu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ trĩ	3-5			1-5	CC
2	Sâu phao	1-5			1-5	CC
3	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC
4	Chuột	3			Các giai đoạn	CC, BT

Ghi chú: OBV: Ốc bươu vàng; CC: Củ Chi, BT: Bình Tân

1.2 Cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhậy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cực bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	CC, BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100 -> 500			1-5	TĐ, HM, Q12
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đốm lá	2-5			1-3	HM, Q12, BC
20	Ph.vàng/dừa leo, khô qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

2.1 Cây lúa vụ Hè thu

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 310 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (151 ha). Phần lớn diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Bọ trĩ, sâu phao, ốc bươu vàng và chuột. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 103 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (40 ha)
- Sâu phao: Diện tích nhiễm 31 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (02 ha)
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 90 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (62 ha)
- Chuột: Diện tích nhiễm 86 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (45 ha)

2.2 Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tháng là 431,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (394,2 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 735,8 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, đốm lá, vàng lá và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 66,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (68.5 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

- *Sâu xanh*: Diện tích nhiễm 30,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (23 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

- *Rầy xám*: Diện tích nhiễm 22,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (30,6 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn và huyện Bình Chánh.

- *Bọ nhày*: Diện tích nhiễm 18,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (15,9 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- *Sâu tơ*: Diện tích nhiễm 12 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (11,6 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn và huyện Bình Chánh.

- *Ốc bươu vàng*: Diện tích nhiễm 208,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (197,9 ha). Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Quận 12.

- *Bệnh rỉ trắng*: Diện tích nhiễm 21,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (19 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn.

- *Bệnh đốm lá*: Diện tích nhiễm 7,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (7,8 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- *Bệnh vàng lá*: Diện tích nhiễm 7,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (2,3 ha). Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn.

2.3 Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng là 26,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (52,9 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 25,2 ha chiếm 96,3% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Cây hoa lan*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 12,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (12,2 ha).

- *Cây hoa mai*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 12,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (39,9 ha).

- *Cây hoa khác*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước.

2.4 Cây trồng khác

Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

4.1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Cần phải thường xuyên theo dõi mật số rầy trên đồng ruộng và mật số rầy vào đèn để chủ động trong công tác phòng trừ rầy nâu trên lúa. Khuyến cáo nông dân thăm đồng, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép), có thể sử dụng một trong các

thuốc bảo vệ thực vật chống lốt xác nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Không nên phun phòng rầy, đặc biệt đối với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có trên đồng và tránh dịch hại bùng phát vào giai đoạn sau. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu 2023 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, thời gian xuống giống theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn.

- Các loại bệnh hại: Cần thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của bệnh hại trên đồng. Cần chú ý bệnh đạo ôn, đốm vằn trên lúa giai đoạn đẻ nhánh, đặc biệt là những ruộng lúa trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đạm.

- Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến một số loại sâu hại như bọ trĩ ở giai đoạn mạ, sâu phao và sâu cuốn lá nhỏ ở giai đoạn đẻ nhánh. Chú ý ốc bươu vàng gây hại trên các chân ruộng thấp trũng, khó thoát nước, mới xuống giống lúa vụ Hè Thu 2023.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhầy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ, dòi đục lá. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đóm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- *Cây hoa lan*: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đóm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- *Cây hoa mai*: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

d) Các loại cây trồng khác

- *Cây khoai mì*: Tiếp tục theo dõi bệnh khảm lá virus trên cây khoai mì. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trở cò. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đóm lá, chuột,...

- *Cây dứa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đóm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

4.2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi tình hình xuống giống lúa vụ Hè Thu 2023.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHHCN);
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Tp.Thủ Đức, Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT, Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: **A46**/BC-CCTTBVTV, ngày **05** tháng **5** năm 2023 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bộ trĩ	103			103	-	40		CC
2	Sâu phao	31			31	-	2		CC
3	Đạo ôn	-			-	-	2		-
4	OBV	90			90	13	62		CC
5	Chuột	86			86	15	45		CC, BT
	Tổng	310			310	28	151		

CHI CỤC TRÔNG TRỘT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: **446** /BC-CCTTBVTV, ngày **05** tháng **5** năm 2023 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	18,8			18,8	25,4	15,9	48,0	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	30,7			30,7	70,6	23,0	59,2	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	12,0			12,0	17,6	11,6	31,2	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	0,2			0,2	20,4	0,4	0,4	HM
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,6	7,1	BC
6	Sâu ăn tạp	66,2			66,2	125,2	68,5	125,4	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	5,8			5,8	21,8	0,1	6,2	CC, BC
8	Rầy mềm	1,3			1,3	1,3	1,8	4,7	BC, BT
9	Rầy xanh	5,6			5,6	17,2	0,5	4,3	HM, BC, CC
10	Rầy xám	22,9			22,9	22,4	30,6	36,7	TĐ, HM, Q12
11	Bọ phấn	5,0			5,0	12,0	0,1	3,0	CC
12	Sâu đục đọt	1,1			1,1	1,1	1,6	4,3	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	1,0	-	TĐ
14	Ruồi đục trái	4,6			4,6	18,6	3,6	18,3	BC
15	OBV	208,6			208,6	208,5	197,9	295,8	TĐ, HM, Q12
16	Ốc sên	0,6			0,6	0,6	0,5	2,0	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cài	4,5			4,5	7,7	5,4	8,6	HM, Q12, BC
18	Ri trắng/RM	21,7			21,7	35,8	19,0	47,4	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đóm lá	7,7			7,7	10,6	7,8	17,4	HM, Q12, BC
20	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	1,3			1,3	1,1	1,0	2,4	HM
21	Vàng lá	7,1			7,1	7,9	2,3	13,3	TĐ, HM
	Tổng	431,5			431,5	631,6	394,2	735,8	

CHI CỤC TRÔNG TRỘT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIẾNG
 (Kèm theo Báo cáo số: **446** /BC-CCTTBVTV, ngày **05** tháng **5** năm 2023 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nặng	MT		Kỹ trước	CKNT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	12,66			12,66	12,55	12,21	11,9	
1	Muối hại bông	5,32			5,32	5,09	6,57	5,15	TD, HM, Q12, CC, BC, BT, CG, Q7
2	Nhện đỏ	0,3			0,3	0,3	0,2	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,12			0,12	0,12	0,12	0,07	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,57			0,57	0,56	0,6	0,47	CC, BC
5	Ốc sên	0,2			0,2	0,2	0,2	0,2	TD, CG
6	Đóm lá	2,46			2,46	2,59	1,98	2,25	TD, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khó đầu lá	1,45			1,45	1,45	0,15	1,45	CG, Q7
8	Thối nhũn	0,92			0,92	0,92	0,88	0,79	CC, BC, CG, Q7
9	Đóm đen	0,42			0,42	0,42	0,41	0,32	CC
10	Vàng lá	0,7			0,7	0,7	0,9	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	BC
12	Rêu xanh	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	TD
II	Hoa mai	12,82			12,82	14,53	39,87	12,64	
1	Nhện đỏ	2,02			2,02	2,42	4,79	1,97	TD, HM, Q12, CC, CG
2	Sâu ăn lá	3,5			3,5	3,95	15,42	3,5	TD, HM, Q12, CC, BC, CG
3	Bọ trĩ	2,87			2,87	3,43	11	2,86	TD, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Sâu đục thân	0,05			0,05	0,05		0,05	HM
5	Rầy xanh	0,8			0,8	0,8		0,8	BC
6	Cháy lá	1,13			1,13	1,43	4,21	1,01	TD, CC
7	Mốc cam	0,35			0,35	0,35	0,35	0,35	CG
8	Nấm hồng	1,1			1,1	1,1	0,21	1,1	BC, BT
9	Rong rêu	1			1	1	4	1	TD
III	Cây hoa khác	0,69			0,69	0,69	0,79	0,67	TD, CC, BC, CG
	Tổng cộng	26,17			26,17	27,77	52,87	25,21	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

